



Original Article

Management of Vietnam's Social Development in the Digital Social Context and Super Smart Society

Nguyen Huu Hoang*, Tran Van Huan

Academy Politics of Region II, 99 Man Thien Street, Hiep Phu Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

Received 25 January 2021

Revised 14 April 2021; Accepted 13 July 2021

Abstract: “Social development management”, “digital society” or “super smart society” - new academic and practical issues in recent years. Through studying domestic and foreign documents, compared to the specific context of Vietnam, the article was systematized, analyzed and discussed urgent issues of social life for the social development management in Vietnam from the perspective of national digital transformation, the orientation of building a digital society and super smart society. It also proposes ideas and suggests models for reference to help solve these challenges well. This research shows that the revolution in science and technology, recently the 4th Industrial Revolution has created a basic foundation of technology and engineering, promoted an objective transition of state and properties modern society towards digitization and super intelligence. This has created positive and unprecedented changes, but also raises many new problems for each individual, community and the process of current social change management.

Keywords: Social development management, social life, social changes, digital society, super smart society.

*Corresponding author.

Email address: huhuhoang.hcma2@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4296>

Quản lý phát triển xã hội của Việt Nam trong bối cảnh xã hội số và xã hội siêu thông minh

Nguyễn Hữu Hoàng, Trần Văn Huân

Học viện Chính trị khu vực II, 99 Man Thiện, phường Hiệp Phú, thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Nhận ngày 25 tháng 01 năm 2021

Chỉnh sửa ngày 14 tháng 4 năm 2021; Chấp nhận đăng ngày 13 tháng 7 năm 2021

Tóm tắt: “Quản lý phát triển xã hội” (QLPTXH), “xã hội số” hay “xã hội siêu thông minh” - những vấn đề học thuật và thực tiễn mới mẻ vài năm gần đây. Qua nghiên cứu các tài liệu trong và ngoài nước, đối sánh với bối cảnh đặc thù của Việt Nam, bài viết đã hệ thống, phân tích, bàn luận về những vấn đề cấp bách, thách thức của đời sống xã hội đã, đang và tiếp tục đặt ra cho quản lý phát triển xã hội Việt Nam đặt trong viễn cảnh chuyển đổi số quốc gia, định hướng xây dựng xã hội số, xã hội siêu thông minh. Bài viết cũng đề xuất những ý tưởng, gợi mở mô hình có tính tham khảo góp phần hoá giải các thách thức này. Nghiên cứu cho thấy, cách mạng về khoa học và công nghệ, nhất là Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã tạo ra nền tảng cơ bản về công nghệ và kỹ thuật, thúc đẩy chuyển đổi một cách khách quan trạng thái, tính chất xã hội đương đại theo hướng số hoá và siêu thông minh. Điều này tạo ra những thay đổi tích cực, chưa có tiền lệ nhưng cũng đặt ra không ít vấn đề mới mẻ cho mỗi cá nhân, cộng đồng và đối với quá trình quản lý sự biến đổi xã hội hiện nay.

Từ khóa: Quản lý phát triển xã hội, đời sống xã hội số, biến đổi xã hội, xã hội số, xã hội siêu thông minh

1. Mở đầu

Ở Việt Nam, nghiên cứu chính thức ở tầm quốc gia về “quản lý phát triển xã hội” được khởi động, thảo luận sôi nổi khoảng 10 năm trở lại đây¹. Tuy nhiên, khái niệm này được Đảng Cộng sản Việt Nam chính thức đưa vào Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII (2016) và tiếp tục được khẳng định tại Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII (2021) [1].

Đối với “xã hội số” (digital society), những nghiên cứu gần đây như Watling & Rogers (2012), Deborad Lupton (2015), Think Tank Vinasa (2019),... cho rằng đây là giai đoạn “số hoá” nằm trong diễn trình phát triển của Internet

ở mức độ Web 2.0 (tương đương ở làn sóng thứ 4 của khoa học công nghệ thế giới), tức khoảng thập kỷ đầu tiên của thế kỷ XXI. Giai đoạn này, thuật ngữ “số hoá” được sử dụng trong cả phương tiện truyền thông và tài liệu học thuật, và thuật ngữ “xã hội số” (digital society) cũng được hình thành trong giai đoạn này [2, tr.11, 3, 4, tr.9-10].

Về “xã hội siêu thông minh”, hay “xã hội 5.0” (super smart society). Từ nhu cầu giải quyết các thách thức cản trở sự phát triển bền vững quốc gia như tỉ lệ sinh giảm, già hoá dân số, thảm họa thiên nhiên, khủng bố, thiếu tài nguyên; đồng thời hướng đến cân bằng giữa phát triển về kinh tế và giải quyết các vấn đề xã hội thông qua

*Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: huuhoang.hcma2@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4296>

¹ Có thể kể đến như Công trình: Hoàng Chí Bảo (2010), Đoàn Minh Huân (2011), Trịnh Duy Luân (2018), Phạm Ngọc Thanh (2019), Phạm Quang Minh (2020), Nguyễn Tất Giáp, Phạm Minh Anh, Đỗ Văn Quân (2020).

hệ thống tích hợp cao giữa không gian ảo và không gian thực, ngày 22/01/2016, Nội các Nhật Bản đã ban hành Kế hoạch cơ bản về khoa học và công nghệ lần thứ, giai đoạn 2016 - 2021, trong đó, trọng tâm đặt mục tiêu xây dựng “xã hội siêu thông minh” [5, tr.21]. Từ đó trở thành quốc gia đầu tiên trên thế giới đưa ra thuật ngữ và bắt tay vào công cuộc xây dựng xã hội mới này, mong muốn giới thiệu với thế giới về thành tựu công nghệ đầu tiên trong xã hội siêu thông minh² tại Thế vận hội Olympic và Paralympic năm 2020 [5, tr.26].

Điểm lược lại lịch sử của “quản lý phát triển xã hội”, “xã hội số”, “xã hội siêu thông minh” để thấy, đây là những vấn đề khá mới mẻ; là hiện thực khách quan, vừa thời cơ song cũng là thách thức đa diện đối với các quốc gia và Việt Nam cũng không ngoại lệ.

Xét ở phương diện khoa học xã hội, khá hiếm các công trình nghiên cứu tầm cỡ nếu đặt 3 chủ đề này như là hợp phần riêng lẻ (nhất là chủ đề “xã hội số”, “xã hội siêu thông minh”). Các công trình nghiên cứu cấp quốc gia, cấp bộ của Việt Nam về “quản lý phát triển xã hội” do chúng tôi khảo nghiệm đã được công bố khá lâu (cách đây khoảng 10 năm), nhưng chỉ mới chính thức được thừa nhận chính thức trong Văn kiện Đảng từ năm 2016. Số lượng công trình chưa nhiều, cập nhật, nhận thức về các chủ đề này chưa thực sự thống nhất và sáng rõ.

Kể đến, “xã hội số”, “xã hội siêu thông minh” vẫn còn “khoảng trống” khá lớn trong các nghiên cứu quốc tế và Việt Nam³. Chủ đề này ở Việt Nam tồn tại chủ yếu là các bài báo điện tử

khá giản lược, được dịch lại và đăng tải qua báo chí, phương tiện truyền thông. Nếu đặt 3 nội dung “xã hội số”, “xã hội siêu thông minh” và quản lý phát triển xã hội” thành một chủ đề/ đề tài nghiên cứu thống nhất như cách đặt chủ đề của bài nghiên cứu này - quản lý phát triển xã hội trong xã hội số hoá và xã hội siêu thông minh thì càng hiếm hoi.

Ở góc độ quản lý, từ năm 2019, Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nhiều chủ trương và chính sách quốc gia về phát triển khoa học, công nghệ, về chủ động thích ứng với Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư cũng như Chương trình chuyển đổi số quốc gia của Việt Nam đến năm 2025, định hướng năm 2030⁴. Tuy vậy, do ở góc độ vĩ mô nên chưa thể đề cập một cách tường tận về mô hình, giải pháp và kịch bản có tính hệ thống nhằm thích ứng với những vấn đề cấp bách, thách thức đặt ra cho quá trình “quản lý phát triển xã hội” trong bối cảnh “xã hội số”, “xã hội siêu thông minh” [6].

2. Quá trình chuyển đổi xã hội Việt Nam từ truyền thông sang xã hội số và xã hội siêu thông minh: Nội hàm và những nhận thức ban đầu

Quản lý phát triển xã hội được đặt trong khung cảnh xã hội mới với biến đổi mạnh mẽ từ truyền thông sang hiện đại. Ở đó, tính số hoá và thông minh hoá được thúc đẩy bởi nền tảng về công nghệ số. Do vậy, để nhận diện thách thức và cấp bách từ bối cảnh này cần thiết phải nhận

² Theo Ông Noritsugu Uemura, Giám đốc bộ phận Quan hệ Chính phủ và công chúng - Tập đoàn Mitsubishi đã trả lời tạp chí Expert (Nga) rằng, hiện nay, Nhật Bản mới chỉ ở những bước đi đầu tiên của quá trình tiến tới Xã hội 5.0 và chưa thể trình diễn các kết quả cụ thể. Nhưng đến Thế vận hội 2020, do Nhật Bản đăng cai, họ sẽ cho thế giới thấy được những kết quả ban đầu như hệ thống giao thông tự hành dùng cảm biến gắn trên xe, bản đồ 3D, tín hiệu định vị từ hệ thống vệ tinh nhằm giảm độ sai sót xuống dưới 5 cm [5]

³ Tra cứu từ khoá “digital society”, hay “society 5.0” trên Google Scholar, xếp theo mức độ liên quan, chọn giai đoạn 2010 đến nay, lần lượt có 19.400 và 980 kết quả tìm kiếm chứa thuật ngữ này. Tương tự với từ khoá “xã hội số Việt

Nam”, “xã hội 5.0 Việt Nam” thì không có kết quả nào được tìm thấy.

⁴ Tham khảo thêm các tài liệu sau:

(i). Nghị quyết 52-NQ/TW năm 2019 về chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư do Bộ Chính trị ban hành ngày 27/02/2019 [7].

(ii). Đảng Cộng sản Việt Nam (2018), *Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, Hà Nội [8].

(iii). Thủ tướng Chính phủ (2020), *Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*, Hà Nội [9].

thức một cách có hệ thống dù ở mức cơ bản nội hàm của ba (03) khái niệm này.

2.1. Xã hội số

Trong *Báo cáo đặc biệt “Xã hội số ở châu Á”*, GSMA - Tổ chức đại diện lợi ích của các nhà khai thác di động trên toàn thế giới đã đưa ra định nghĩa rất quan trọng mà báo chí Việt Nam thường viện dẫn.

Hộp 1: Xã hội số theo nghiên cứu của GSMA

“Xã hội số” đề cập đến một xã hội nơi công dân tương tác liền mạch với các khía cạnh khác nhau của cuộc sống, bao gồm công việc, giải trí và giao tiếp, qua các kênh kỹ thuật số thông qua mạng lưới các thiết bị được kết nối thông minh và các dịch vụ tương thích. Trên thực tế, mọi người trong xã hội kỹ thuật số có thể truy cập và tương tác với một loạt các dịch vụ công và tư, bao gồm cả dịch vụ tài chính, tiện ích, giáo dục, y tế và giao thông, mọi lúc và mọi nơi bằng cách sử dụng công nghệ kỹ thuật số. Điều này đã dẫn đến sự gia tăng nhanh chóng của các phân khúc thị trường và mô hình kinh doanh mới, với ranh giới giữa các sản phẩm và dịch vụ ngày càng bị xóa nhòa bởi sự kết nối giữa các quy trình và ngành dọc khác nhau trước đây” [10, tr.6].

Một số nhà nghiên cứu xã hội quốc tế cho rằng: “Xã hội số” là sự kết nối vạn vật (mọi thứ) trong xã hội thông qua phương thức số hoá chúng [11, tr.10]. Cũng trong công trình này, Simon Lindgren bàn luận thêm, tiếp cận “xã hội số” như một phương trình mà “xã hội số” = truyền thông số (digital media) + xã hội (societies). Trong đó, xã hội chịu ảnh hưởng của hệ thống công cụ giao tiếp và hạ tầng căn bản như Internet và truyền thông xã hội được số hoá và kết nối với nhau [11, tr.10].

Ở Việt Nam, hầu như chưa có công trình nghiên cứu nào đề cập chuyên sâu đến chủ đề “xã hội số” ngoài một số trang báo hoặc tài liệu dịch tiếp cận theo hướng tổng hợp hoá các khái niệm của quốc tế trong khoảng 1 - 2 năm trở lại đây.

Cục Tin học hoá (Bộ Thông tin và Truyền thông) gần đây công bố một số bài viết trên các trang báo mạng đã đưa ra một vài cách tiếp cận,

quan điểm của mình về “xã hội số”. Xét theo *nghĩa rộng*, là bao trùm lên mọi hoạt động của con người. Động lực chính của xã hội số là công nghệ số, dựa trên sự tăng trưởng thông tin, dữ liệu một cách nhanh chóng, làm thay đổi **mọi khía cạnh** của tổ chức xã hội, từ chính phủ, kinh tế cho tới người dân. Xét theo *nghĩa hẹp*, gồm công dân số và văn hóa số. Theo nghĩa này, “xã hội số”, cùng với chính phủ số và kinh tế số tạo thành ba trụ cột của một quốc gia số. **Công dân số được hiểu là** khả năng truy cập các nguồn thông tin số, khả năng giao tiếp trong môi trường số, kỹ năng số cơ bản, mua bán hàng hóa trên mạng, chuẩn mực đạo đức trong môi trường số, bảo vệ thể chất và tâm lý trước các ảnh hưởng từ môi trường số, quyền và trách nhiệm trong môi trường số, định danh và xác thực, dữ liệu cá nhân và quyền riêng tư trong môi trường số. **Văn hóa số chính là** các quy tắc ứng xử, chuẩn mực đạo đức của con người trong môi trường số [12].

Quyển sách *Hỏi đáp về chuyển đổi số* xuất bản năm 2020 của các nhà khoa học Hồ Tú Bảo, Nguyễn Nhật Quang và Nguyễn Huy Dũng có lẽ là công trình hiếm hoi dành một dung lượng nhất định bàn về khía cạnh của xã hội số. Công trình nhấn mạnh, xã hội số là xã hội của con người trong môi trường số, ở đây nhiều dịch vụ và nền tảng số giúp cuộc sống con người thuận tiện, dễ dàng, công ăn việc làm nhiều hơn, năng suất cao hơn, xã hội an toàn và nhân văn hơn, giúp cân bằng kinh tế với cuộc sống,.... Đặc biệt, nhóm tác giả cho rằng, xã hội siêu thông minh/ xã hội 5.0 (được đề cập Mục 2.2 dưới đây) là phiên bản, biểu hiện tiêu biểu của xã hội số [13, tr.296].

Gần đây nhất, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 về phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 gồm 03 trụ cột là (1) chính phủ số, (2) kinh tế số và (3) xã hội số. Trong đó, xác định 3 mục tiêu và 7 nhiệm vụ, giải pháp xây dựng “xã hội số”. Tuy nhiên, mô hình tổng thể “xã hội số” vẫn chưa thực sự sáng rõ [14].

Từ đó, chúng tôi cung cấp một cách tiếp cận tổng thể, hài hoà giữa tri thức khoa học xã hội và lĩnh vực chuyên biệt về số hoá và công nghệ

thông tin để giới thiệu khái quát về khái niệm “xã hội số” như sau:

Hộp 2: Xã hội số theo nghiên cứu theo đề xuất của tác giả

Xã hội số là trạng thái biến đổi và phát triển mới về chất của xã hội, ở đó, dựa trên nền tảng căn bản và quan trọng nhất là công nghệ - kỹ thuật số, truyền thông số như Internet, AI, Bigdata, Mobile Technology,... giúp kết nối sự tương tác mọi thành viên trong xã hội với nhau, với mọi vật (IoT) trên các lĩnh vực của đời sống xã hội như kinh tế, chính trị, văn hoá,... trên thế giới số, tạo ra cuộc sống thay đổi tích cực về chất, thúc đẩy phát triển xã hội bền vững, nhân văn và hiện đại, phù hợp xu hướng công nghệ thế giới.

(Nguồn: Tác giả nghiên cứu, tổng hợp)

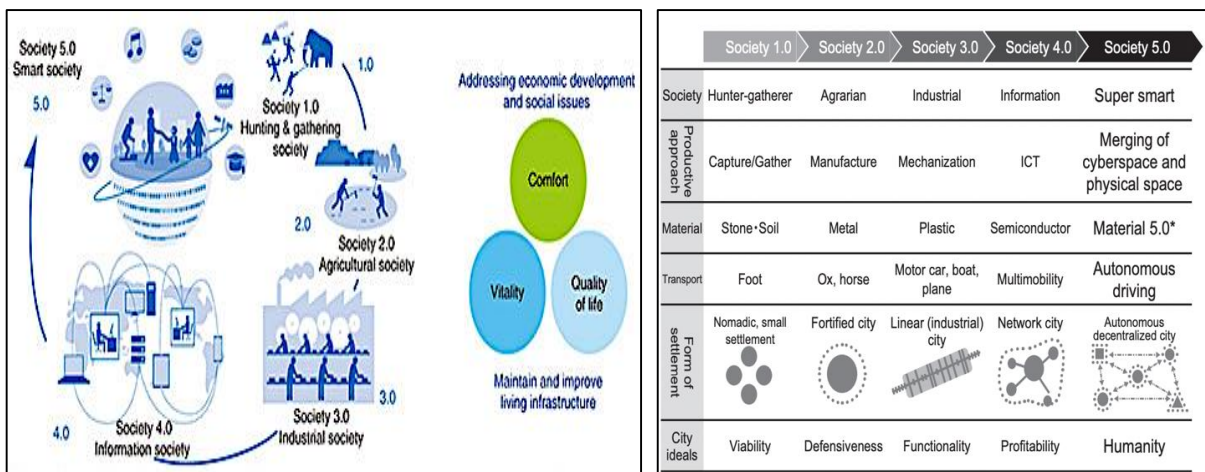
Từ các cách tiếp cận và khái niệm trên đây, bản chất của xã hội số chính là sự thay đổi về chất cách thức tương tác và kết nối xã hội từ kiểu truyền thống sang phương thức kết nối số hoá (“the interconnectedness of things”) ở các lĩnh

vực và đối tượng có nhu cầu được số hoá trong đời sống xã hội trên môi trường số thông qua hệ thống hạ tầng công nghệ - kỹ thuật số và truyền thông số phát triển mạnh, hiện đại, phù hợp với xu thế công nghệ của thế giới [15, 16 tr.323, 17].

2.2. Xã hội siêu thông minh

Theo mô tả ban đầu trong bản Kế hoạch cơ bản về khoa học và công nghệ lần thứ 5, giai đoạn 2016 - 2021 do Nội các Nhật Bản thông qua “xã hội siêu thông minh” (hay xã hội 5.0) được nhận thức ở các chiều cạnh như sau:

Một là, “xã hội siêu thông minh” là mô hình xã hội, giai đoạn và thời đại trong lịch sử mà Nhật Bản đã và đang xây, trở thành quốc gia đầu tiên trên thế giới xây dựng. Theo đó, xã hội siêu thông minh là xã hội kế tiếp của 4 kiểu xã hội trước đó, gồm xã hội săn bắt, hái lượm (xã hội 1.0), xã hội nông nghiệp (xã hội 2.0), xã hội công nghiệp với máy móc, cơ khí, tự động hoá (xã hội 3.0) và xã hội thông tin với máy tính, Internet, thiết bị điện tử,... (xã hội 4.0) (theo mô tả ở Hình 1).



Hình 1. “Xã hội 5.0” trong lịch sử.

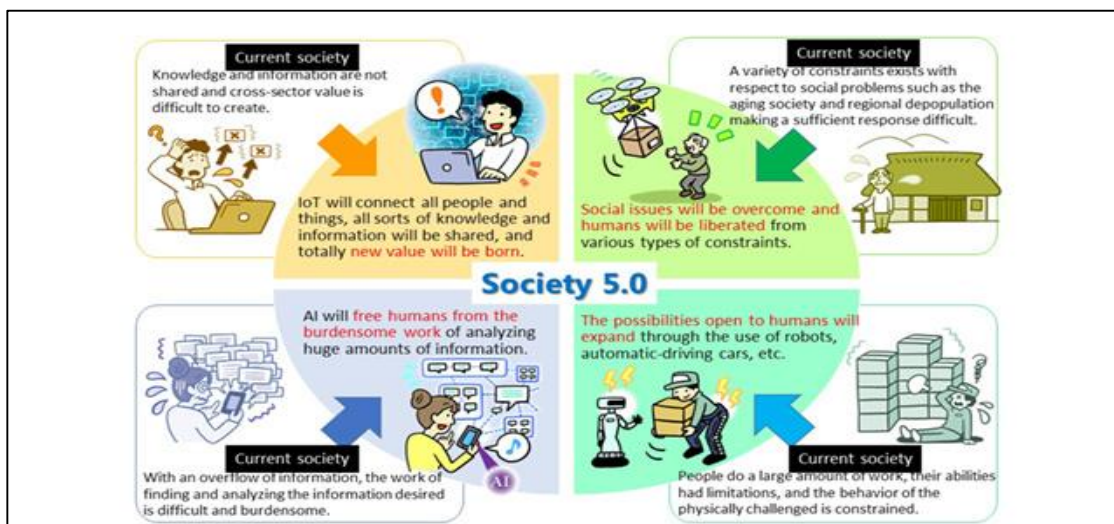
Nguồn: [18, 19]

Hai là, xã hội siêu thông minh là xã hội siêu kết nối dựa trên nền tảng công nghệ và kỹ thuật số hiện đại, trong môi trường số, xã hội số và cuộc sống số. Đây là giải pháp thúc đẩy giải quyết các thách thức to lớn của thời đại, hướng

đến xã hội tiện nghi, đầy đủ, chất lượng sống cao và nhân văn, lấy con người là trung tâm, hoàn thành các mục tiêu Phát triển bền vững của Liên hợp quốc (SDGs).

Trong kiểu xã hội này, vạn vật (kể cả con người) trong thế giới thực (vật lý) được kết nối và số hoá thông qua các cảm biến; từ đó hình thành kho big data. Hệ thống dữ liệu này sẽ được AI và các công nghệ, kỹ thuật số hiện đại (robot, máy tính, điện thoại thông minh, xe tự hành, đèn giao thông tự hành,...) phân tích, xử lý và phục vụ giải quyết nhu cầu, thách thức đa dạng, phức tạp của xã hội hiện đại (xem Hình 2). Chẳng hạn, hình thành nền *kinh tế số* dựa trên nền tảng giao dịch trực tuyến và thương mại điện tử, tạo nhiều việc làm mới, kinh tế chia sẻ; xây dựng *chính phủ số* kết nối - chia sẻ - minh bạch và công khai hoá cơ sở dữ liệu các ngành, lĩnh vực khác nhau

(dữ liệu quốc gia về dân cư, về y tế, về tài nguyên môi trường, về tài chính,...) thành một hệ thống chung nhất nhằm phục vụ quản lý, phân tích, dự báo đời sống kinh tế - xã hội chuẩn xác hơn; tạo ra thể AI chăm sóc người già, làm việc môi trường nguy hiểm; quản lý thông qua hồ sơ bệnh án điện tử, hình thức khám bệnh từ xa, giúp phân tích, cảnh báo thảm họa, thiên tai từ xa và từ sớm; tạo ra nền tảng làm việc trực tuyến, hội họp từ xa, thúc đẩy và trao cơ hội tiếp cận tri thức mới, văn hoá mới toàn cầu, xuyên biên giới qua khả năng tự học nhờ thiết bị điện tử hiện đại và kho dữ liệu số hoá khổng lồ, được chia sẻ rộng rãi, kết nối toàn cầu



Hình 2. “Xã hội 5.0” tạo ra xã hội siêu kết nối, giải quyết thách thức xã hội.

Nguồn: [19]

Ba là, cách thức hoạt động của xã hội siêu thông minh dựa trên kết nối vạn vật (IoT) hình thành dữ liệu lớn (Bigdata) và vai trò của phân tích lượng dữ liệu, tạo ra thông tin và tri thức khổng lồ đáp ứng nhu cầu con người trên mọi lĩnh vực của đời sống. Kiểu xã hội này được hiện thực hóa bởi một hệ thống tích hợp giữa không gian mạng (không gian ảo/ số) và không gian vật lý (không gian thực).

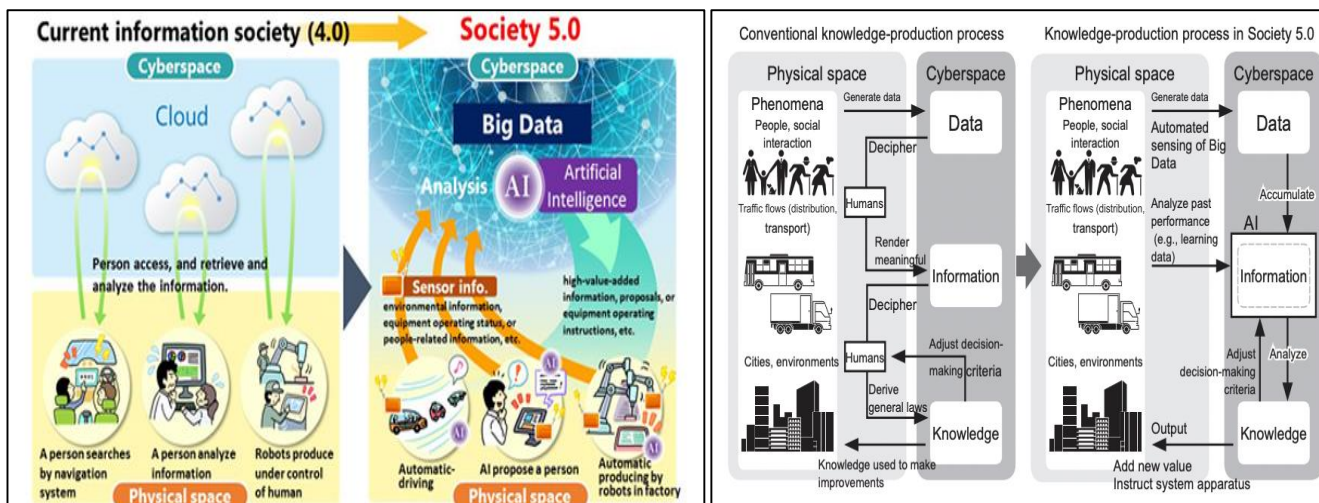
Trong xã hội thông tin (xã hội 4.0), con người chủ yếu truy cập các dịch vụ đám mây (cơ sở dữ liệu) trên không gian mạng thông qua

Internet để tự lấy thông tin, dữ liệu và thực hiện phân tích theo nhu cầu. Tuy nhiên, trong xã hội siêu thông minh, kho dữ liệu khổng lồ trên không gian số, ảo vượt quá khả năng con người để có thể phân tích để phục vụ nhu cầu của mình nếu thiếu sự hỗ trợ của các thiết bị công nghệ tiên tiến nhất như AI, máy tính hiện đại,... Trong không gian số, AI tiến hành phân tích dữ liệu lớn này và kết quả phân tích được phản hồi lại cho con người trong không gian vật lý theo nhiều cách khác nhau với vô vàn nhu cầu không giống nhau, mang lại giá trị mới cho ngành và xã hội mà trước đây không thể có được. Chẳng hạn dữ

liệu lớn giúp xe tự lái có thể tự hoạt động trong môi trường thực, thể hệ AI ngày càng hoàn thiện và có khả năng đặc biệt; tra cứu (truy cập) Internet bằng giọng nói, hệ thống từ điển trực tuyến hoặc dịch thuật đa ngôn ngữ trên môi

trường mạng; dữ liệu lớn được phân tích để tiên lượng thiên tai, tình hình phát triển kinh tế - xã hội, bệnh lý, mô hình quản trị công, ... (xem Hình 3).

Hình 3. Cơ chế vận hành của “Xã hội 5.0”



Nguồn: [18, 19]

Qua các phân tích trên, “xã hội siêu thông minh” hay gần đây có các thuật ngữ và mô hình “đô thị thông minh”, “thành phố thông minh”,... về bản chất là xã hội số, là phiên bản cụ thể, trực quan và mô hình sống động của mô hình xã hội số.

2.3. Quản lý phát triển xã hội trong xã hội số và xã hội siêu thông minh

Quản lý phát triển xã hội ra đời ở Việt Nam còn khá mới mẻ so với quan niệm, nhận thức về quản lý, quản lý công, quản lý xã hội hay quản lý nhà nước về (lĩnh vực) xã hội, ngay cả trong các văn kiện chính thức của Đảng và nhiều tài liệu, công trình nghiên cứu. Những năm trở lại đây, “quản lý phát triển xã hội” bước đầu được sử dụng rộng rãi trong nghiên cứu khoa học, nghiên cứu lý luận. Tuy nhiên, quan niệm về vấn đề này vẫn còn nhiều ý kiến khác nhau. Trong bài viết này, chúng tôi khu biệt nhận thức về nội hàm của quản lý phát triển xã hội trong vài khía cạnh sau đây:

Một là, tiếp cận theo kiểu phân loại, “quản lý phát triển xã hội” trước hết là một dạng hoạt động quản lý nói chung nhưng nhấn mạnh tính “xã hội”; là phương thức hoạt động căn bản, quan trọng, đặc biệt của xã hội loài người, do con người tiến hành với tư cách là chủ thể và xã hội thụ hưởng với tư cách là người tiếp nhận (khách thể mà quá trình quản lý ấy mang lại).

Hai là, “quản lý phát triển xã hội” nhấn mạnh nhiều và sâu hơn về “phát triển”, “phát triển bền vững” như là mục tiêu quan trọng bậc nhất của quản lý phát triển xã hội. Đề cập đến “phát triển” trong “quản lý phát triển xã hội”, tức nhấn mạnh, cũng chính là sự tuyên bố chấp nhận đổi mới mạnh mẽ cả trong tư duy và hành động của cả hệ thống quản lý quốc gia. Đó là chuyển từ hình thức quản lý nặng “cai trị” sang “quản trị”, quản trị kiểu “cái kim” (kim và kẹp) sang quản trị kiểu “bảo mẫu” (dung dưỡng và dẫn dắt), từ “hiệu lực, hiệu quả” sang nhấn mạnh yếu tố “hiệu quả, hiệu lực”; từ việc chỉ coi người dân và xã hội là “thần dân”, đối tượng sang xem

người dân, doanh nghiệp là chủ thể quan trọng của quá trình quản lý công việc quốc gia (cung cấp lực lượng, nguồn lực), là “khách hàng”, là đối tác; từ việc nặng tính “ổn định”, “bảo thủ” đến thúc đẩy đổi mới, cải cách và kiến tạo không gian và phát huy vai trò dẫn dắt sự phát triển xã hội; từ việc nhà nước bao biện làm thay tất cả công việc quản lý quốc gia đến việc tăng cường hợp tác công tư (PPP), “nhà nước chỉ cầm chèo” thay vì “cầm lái”, nhà nước chỉ làm những việc mà tư nhân không làm, làm được làm hoặc không thể làm tốt,...

Ba là, “quản lý phát triển xã hội” nhấn mạnh đến tính “động” và sự “vận hành” với độ co giãn và biến đổi mạnh mẽ của xã hội (social changes) ở từng cấp độ (lĩnh vực xã hội được khu biệt hay toàn xã hội nói chung) so với “quản lý xã hội”. Trường hợp này có thể hiểu “phát triển xã hội” là đối tượng của quá trình quản lý ấy. Ở góc độ xã hội học, “phát triển xã hội” có thể hiểu là biến đổi xã hội, chuyển đổi trạng thái xã hội cả về quy mô, số lượng và chất lượng của các yếu tố cấu thành xã hội, tạo nên cấu trúc xã hội ấy. Từ đây, quản lý phát triển xã hội trong trường hợp này phải nhận thức rằng quá trình ấy diễn ra trong một môi trường đầy biến động, vận động không ngừng; luôn chú trọng đến quá trình phát triển, vận động của các sự vật, hiện tượng. Từ đó, quản lý xã hội buộc phải tiến lên nấc thang mới: biết (phải) nhận diện biến đổi xã hội, tất yếu phải đương đầu và giải quyết hàng loạt vấn đề xã hội (social problems/ societal problems) được ví như hệ quả của quá trình “phát triển xã hội” trong từng nấc thang phát triển khác nhau; thúc đẩy hình thành, thay đổi, đổi mới thái độ, tư duy, kỹ năng của bản thân các chủ thể quản lý với kiểu thích ứng biến đổi. Tính “động” trong “quản lý phát triển xã hội” giúp các nhà lãnh đạo, quản lý trang bị thế giới quan và phương pháp luận khoa học nhìn nhận các đối tượng và khách thể quản lý theo quan điểm phát triển không ngừng, phát triển biện chứng.

Chẳng hạn, hình thành tầm nhìn, tư duy “quản lý phát triển xã hội” để thúc đẩy, xây dựng xã hội Việt Nam hướng đến mục tiêu “dân giàu,

nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, thúc đẩy chuyển đổi nhanh từ thời kỳ quá độ sớm đi lên xã hội xã hội chủ nghĩa; quản lý phát triển xã hội Việt Nam phấn đấu đến năm 2045 trở thành nước công nghiệp phát triển hiện đại, thu nhập cao, đổi mới phương thức quản lý nhà nước sang “kiến tạo, hành động, phát triển”, “nhà nước khởi tạo” hay xây dựng hệ thống chính sách “già hoá chủ động”, “già hoá tích cực”, nhìn dân số trong mối liên hệ với quá trình phát triển trong ứng phó vấn đề này hơn chỉ tư duy dân số già là một lực cản; tiếp cận nền tảng công nghệ 4.0 để xây dựng đô thị thông minh (smart rural), thành phố thông minh (smart city), xã hội số, xã hội 5.0, chính phủ số, chính quyền số, cuộc sống số,... trong tương lai. Tất cả minh chứng ấy cho thấy sự khác nhau về sắc thái biểu đạt, sự sâu sắc về nội hàm và ý nghĩa phương pháp luận trong quan điểm, cách lập luận và nhận thức giữa “quản lý xã hội” và “quản lý phát triển xã hội” [20].

Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng (2016), lần đầu tiên và được xem là điểm mới khi Đảng đề cập đến thuật ngữ “quản lý sự phát triển xã hội”, “quản lý phát triển xã hội” với những nhận thức bước đầu và được luận giải “là sự tác động có định hướng, có tổ chức của chủ thể quản lý đến khách thể (con người, cộng đồng, các quan hệ xã hội, hoạt động xã hội,...) nhằm mục tiêu phát triển xã hội bền vững [21, tr.260]. Văn kiện Đại hội lần thứ XIII (2021) nhấn mạnh, “quản lý phát triển xã hội” là 1 trong 12 định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030, “quản lý phát triển xã hội hiệu quả, nghiêm minh...”, “quản lý phát triển xã hội bền vững, đảm bảo tiến bộ, công bằng xã hội” [1, tr.114, 116, 147]. So với kỳ Đại hội trước, quan điểm của Đảng về “quản lý phát triển xã hội” có bước tiến mới, thay vì chỉ là sự diễn nghĩa phản ánh nội hàm thuật ngữ, lần này tập trung vào việc định ra các yêu cầu, nhiệm vụ, định hướng cụ thể của nó.

Từ các phân tích như trên, có thể chỉ ra một số đặc trưng của quản lý phát triển xã hội ở nước ta hiện nay (tại Bảng 1).

Bảng 1. Đặc trưng cơ bản của quản lý phát triển xã hội ở Việt Nam trong xã hội số và siêu thông minh

Tiêu chí	Điểm đặc trưng của “quản lý phát triển xã hội”
1. Triết lí	Con người và xã hội là trung tâm sự phát triển, của hệ thống chính sách, “con người là mục tiêu và động lực của sự phát triển”
2. Mục tiêu	Giải quyết các vấn đề xã hội của quá trình phát triển xã hội, cản trở của xã hội, từ đó, nhằm thúc đẩy phát triển xã hội theo hướng bền vững, hài hoà vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, chú trọng phúc lợi xã hội, hạnh phúc nhân dân và đảm bảo hệ thống an sinh xã hội bền vững.
3. Chủ thể quản lý	Thiết chế xã hội chính thức, phi chính thức, người dân, xã hội đều có thể đảm nhận vai trò là chủ thể quản lý trong từng lĩnh vực xã hội cụ thể, phù hợp. Trong đó, các cơ quan quản lý nhà nước từ trung ương đến chính quyền địa phương giữ vai trò chủ đạo. Tuy vậy, vai trò, vị thế và đóng góp trong quản lý phát triển xã hội của các chủ thể còn lại ngày càng được phát huy, coi trọng, tăng cường và khơi dậy.
4. Đối tượng quản lý	Quá trình phát triển xã hội (bao hàm (i). Cả quá trình biến đổi tổng thể trạng thái cả xã hội; (ii). Biến đổi xã hội khu biệt ở từng thành tố cấu thành cấu trúc xã hội tăng trưởng xã hội cả về quy mô, cơ cấu, chất lượng,... cùng với hệ quả kéo theo của các quá trình đó (social/ societal problems) như: quan hệ xã hội, phân tầng xã hội, xung đột xã hội, phân hoá giàu - nghèo, an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, trật tự và an toàn xã hội, an ninh xã hội, an ninh con người,...
5. Khách thể quản lý	Con người, cộng đồng, các quan hệ xã hội, hoạt động xã hội,...
6. Nguồn lực	- Nguồn lực quốc gia, quốc tế và nguồn lực xã hội được huy động, chẳng hạn như hình thức: hợp tác công - tư, xã hội hoá, hỗ trợ từ các thể chế kinh tế - văn hoá - xã hội khu vực, quốc tế. - Nguyên tắc: Nhà nước dùng nguồn lực công để làm/ phục vụ xã hội đối với những gì tư nhân không làm, không được làm hoặc làm không hiệu quả.
7. Phương thức	Đa dạng, mềm dẻo, linh hoạt giữa quyền lực nhà nước, quyền lực thị trường và quyền lực xã hội
8. Công cụ	- Quy định, chế tài được thể chế hoá thành văn kiện, văn bản quy phạm pháp luật và một số thiết chế liên quan: bộ máy và nguồn lực của hệ thống chính trị, ... - Hệ giá trị xã hội. - Chuẩn mực xã hội. - Dự luận xã hội. - Truyền thông xã hội. - Nền tảng công nghệ và kĩ thuật số hiện đại (IoT, Bigdata, AI,...) - Bộ máy, nhân lực và ưu thế có được của thiết chế xã hội khác: tôn giáo, gia đình, thiết chế ngoài hệ thống chính trị (ví dụ: tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức nghề nghiệp, tổ chức xã hội,...).
9. Khả năng điều chỉnh trong quá trình quản lý	Mềm dẻo, linh hoạt; đòi hỏi các chủ thể liên quan có tư duy kiến tạo, đổi mới, phát triển, thích ứng với quá trình thay đổi, biến đổi của xã hội.
10. Tính động và tính phát triển	Được nhấn mạnh, chú trọng bởi tính “phát triển bền vững”, tư duy “phát triển biện chứng” trong quá trình lãnh đạo, quản lý xã hội biến đổi đa chiều, phức tạp.
11. Mô hình và phạm vi lan toả của quá trình quản lý	Đa dạng, đa diện, đa tầng bởi xuất phát từ tính phức tạp và phong phú của quá trình phát triển xã hội trong thế giới “mở” hiện nay

Nguồn: Nhóm tác giả nghiên cứu, đề xuất và xây dựng

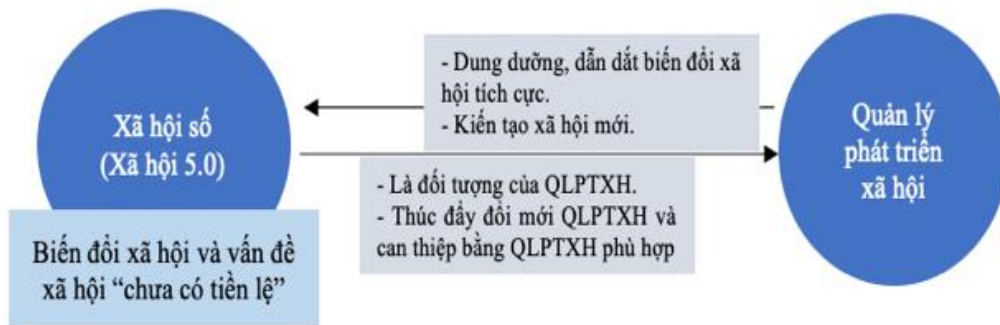
Như vậy, quản lý phát triển xã hội trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia, xây dựng xã hội số và xã hội siêu thông minh cần nhận thức thế nào?

Sự phát triển của khoa học và công nghệ đã tạo ra động lực căn bản thúc đẩy chuyển đổi về chất ở phạm vi toàn xã hội, tức từ xã hội trước

đó sang xã hội số, từ xã hội 1.0, 2.0, 3.0, 4.0 sang xã hội siêu thông minh (xã hội 5.0). Ngoài ra, biến đổi của các thành tố bên trong cấu thành các xã hội này và các thách thức đặt ra của nó,... hiển nhiên không chỉ là bối cảnh, không gian thúc đẩy cho quá trình đổi mới cách thức quản lý xã hội theo kiểu quản lý phát triển mà còn là tập các đối tượng (vấn đề xã hội) cần phải được quan tâm, giải quyết bằng công cụ - quản lý phát triển xã hội.

Như một mối quan hệ biện chứng, biến đổi xã hội (xã hội số, xã hội thông minh,...) tạo ra các vấn đề cấp bách để quản lý phát triển xã hội

Hình 5. Quan hệ giữa quản lý phát triển xã hội trong xã hội số, xã hội siêu thông minh.



Nguồn: Tác giả nghiên cứu, tổng hợp.

3. Quản lý phát triển xã hội ở Việt Nam: Những vấn đề cấp bách trong xã hội số và xã hội siêu thông minh

“Xã hội số”, “xã hội siêu thông minh” vừa là quy luật khó có thể cưỡng lại, vừa là một hiện tượng đặc biệt, phản ánh chiều cạnh mới mẻ về sự biến đổi xã hội đương đại nhưng nó cũng tiềm ẩn nguyên nhân nảy sinh hàng loạt “căn bệnh” của chính “xã hội số” ấy.

Với vai trò là công cụ quản giải quyết và ứng phó có hiệu quả trước các tác động của biến đổi xã hội (cả tầng rộng và hẹp), quản lý phát triển xã hội ở Việt Nam cần xác định rõ các thách thức, những vấn đề cấp bách mới nảy sinh từ chính khung cảnh xã hội hiện đại ngày nay. Phần này chúng tôi tập trung phân tích những vấn đề cấp bách đặt ra trong quản lý phát triển xã hội ở Việt Nam được đặt trong khung cảnh xã hội số

phải quan tâm nghiên cứu, ứng phó một cách hữu hiệu. Đến lượt mình, thông qua cách thức quản lý phát triển xã hội phù hợp với khung cảnh xã hội mới (bao hàm cả việc đổi mới mô hình, cách thức, công cụ, phương thức, chủ thể, nội dung, mục tiêu,... quản lý), quản lý phát triển xã hội đã góp phần dung dưỡng, dẫn dắt những biến đổi xã hội tích cực, lành mạnh, thúc đẩy phát triển bền vững, đúng mục tiêu của các nhà lãnh đạo, quản lý cũng như quy luật khách quan của chính khung cảnh và biến đổi xã hội ấy mang lại; cũng là sự tác động có ý thức nhằm kiến tạo xã hội mới thay đổi về chất (xem Hình 4).

và xã hội siêu thông minh tầm nhìn đến năm 2030.

Một là, vấn đề cốt lõi của quản lý phát triển xã hội trong bối cảnh số hoá hiện nay chính là nguồn lực con người mà trọng tâm là năng lực trong môi trường số biểu hiện trên 3 phương diện: kiến thức số, kỹ năng số và thái độ. Trong 8 chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư nêu trong Nghị quyết 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị, đầu tiên là “đổi mới tư duy, thống nhất nhận thức”; hay Quyết định 749/QĐ-TTg ngày 30/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về chuyển đổi số quốc gia nhấn mạnh “nhận thức đóng vai trò quyết định.... Chuyển đổi số trước tiên là chuyển đổi nhận thức” [7]. Các chủ trương và định hướng ấy cho cùng đều xoay quanh vấn đề con người trong xã hội số. Để hoá giải các thách thức từ xã hội số và xã hội siêu thông minh, việc

chuẩn bị con người trong xã hội số (được phân thành 4 nhóm sau) là công việc hệ trọng, có tính quyết định thành bại của quản lý phát triển xã hội:

- *Con người với tư cách là công dân số* (digital citizen), xây dựng công dân số phải có tri thức, hiểu biết và am tường nhất định về chuyển đổi số, về xã hội số; có tư tưởng ủng hộ, đồng thuận xây dựng xã hội số và thích ứng cao với xã hội siêu thông minh; thực hành chuẩn mực, văn hoá và nguyên tắc ứng xử mới trong môi trường số, không gian thực - số (physical cyber connection). Để thực hiện điều này, việc lồng ghép giáo dục, tuyên truyền bài bản về xã hội số, xã hội siêu thông minh,... trong cơ sở đào tạo, viên nghiên cứu, trong tầng lớp xã hội cũng cần được thực hiện thường xuyên và thực chất hơn nữa; nên chăng, dùng không gian số, công nghệ số để tuyên truyền về quá trình chuyển đổi số bên cạnh phương pháp giáo dục, tuyên truyền kiểu truyền thống [10].

- *Con người với tư cách là nguồn nhân lực số* (digital human resources): Xã hội số, xã hội 5.0 đem đến công việc mới mẻ với sự tối ưu hoá sức lao động, năng suất làm việc và sự thuận tiện bậc nhất nhưng cũng đồng nghĩa một lực lượng lớn lao động truyền thống sẽ bị thay thế bởi công nghệ và AI⁵.

Hiện tại, có ít nhất 26 quốc gia công bố chiến lược phát triển AI, nhiều quốc gia trong số đó đặt mục tiêu đào tạo ra đội ngũ nhân lực AI như Hàn Quốc, Đài Loan; thành lập các viện nghiên cứu AI như Pháp, Đức, Nhật, Hoa Kỳ,... Đối với Việt Nam, chúng ta có những lợi thế để phát triển AI như quy mô dân số lớn, cơ cấu trẻ, dân số vàng, có tiềm năng toán học, nền công nghiệp thông tin phát triển nhanh [14, tr. 306] ... Nhưng chiến lược phát triển AI ở Việt Nam trong tổng thể chuyển đổi số quốc gia nói chung và xây dựng xã hội số nói riêng cần tính đến các vấn đề xã hội, tránh sự xung đột giữa “con người” và

“người máy” trong tương lai ở các lĩnh vực của đời sống, chẳng hạn, các nhóm khủng bố sử dụng AI và công nghệ số chống lại chính phủ, chống lại loài người, gây bất ổn về chính trị trong xã hội; hay AI khiến nhiều việc làm cũ sẽ mất dần, nhiều ngành nghề mới sẽ nảy sinh; lao động giản đơn bị thay thế hoặc mất việc do AI. Theo thông tin chúng tôi nghiên cứu, có đến 2/3 số việc làm hiện nay ở các nước đang phát triển có nguy cơ bị tự động hoá thay thế như Campuchia (40%), Malaysia (khoảng 50%), Thái Lan (hơn 50%), Trung Quốc (gần 60%) [22], ngành điện tử ở Việt Nam có khoảng 75% việc làm và 86% việc làm trong ngành dệt may, da giày có nguy cơ bị tự động hoá thay thế [23].

Bối cảnh đó đặt ra thách thức cho Nhà nước, chính phủ và bộ ngành cũng như chính quyền địa phương về tầm nhìn chuyển đổi mô hình phát triển, quản lý phát triển xã hội sao cho giải quyết hài hoà bài toán giữa nền kinh tế còn chú trọng thâm dụng nhân công và sự thúc ép của chuyển đổi số quốc gia với bài toán chính sách an sinh xã hội trong giải quyết tốt vấn đề xã hội về việc làm, thu nhập và giảm nghèo,...

- *Con người với tư cách là doanh nhân, người chủ và các nhà quản trị trong doanh nghiệp số*. Chuyển đổi số hình thành loại hình kinh tế mới - kinh tế số, kinh doanh trong môi trường số hoá đang trở thành xu hướng khó đảo ngược. Do đó, cùng với không gian giao thương của Việt Nam với thế giới ngày càng mở rộng qua các hiệp định tự do thể hệ mới thì bản thân doanh nhân, giới chủ và nhà quản trị doanh nghiệp cần ý thức sớm và có hành động thích đáng để thích ứng với xã hội số và mô hình kinh doanh với yêu cầu số hoá cao, tránh sai lầm trong chiến lược chuyển đổi số ở doanh nghiệp (nhất là sai lầm về tư duy và tư tưởng nóng vội) [24, 25].

- *Con người với tư cách là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý thực thi nền công vụ số, chính*

⁵ Trong nghiên cứu về tác động của công nghệ số trong tương lai tại Đại học Oxford thực hiện, 2 chuyên gia là Carl Benedirt Frey và Michael Osborne đã xếp hạng định lượng 702 ngành nghề về khả năng tự động hoá và bị thay thế bởi máy tính, đáng chú ý là: nhân viên tiếp thị từ xa, nhân viên

kỹ thuật thư viện, người định giá bảo hiểm, trọng tài thể thao, thư ký pháp luật, chủ nhà hàng, khách sạn, thư ký, trợ lý hành chính luật, ngành y, nghề chuyển phát nhanh,... [13, tr.306].

phủ số và chính quyền số. Một trong ba trụ cột của Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, tầm nhìn 2030 của Việt Nam là kinh tế số, chính phủ số và xã hội số. Do đó, tư duy và năng lực của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, công chức, viên chức - những người cầm am tường, thấu hiểu thấu đáo và tạo động lực, chủ xướng dẫn dắt cho doanh nghiệp, xã hội phải được đặc biệt chú trọng. Điều này có tính quyết định sự thành bại không chỉ trong xây dựng thành công Chính phủ số, chính quyền số mà còn đến 2 trụ cột còn lại (kinh tế số và xã hội số). Việc xây dựng đề án, lộ trình đào tạo, bồi dưỡng và tuyên truyền cho đội ngũ này cũng cần phải thực hiện sớm nếu muốn “đi cùng nhau”, ngược lại, chúng ta sẽ lỡ bước hoặc dè doanh nghiệp, người dân phải chờ chính phủ, chính quyền trong hành trình chuyển đổi số.

Hai là, vấn đề quan trọng là xây dựng “sandbox” trong viễn cảnh xã hội số. Theo Chu Thị Hoa (2020), ở góc độ pháp lý, sandbox là hình thức nhằm tạo ra một không gian thuận lợi với khung chính sách, pháp lý riêng (nằm ngoài hoặc vượt khung pháp lý hiện tại) để tiến hành thử nghiệm, nhân rộng những mô hình mới, hiệu quả [26]. Chuyển đổi số nói chung và xây dựng xã hội số, xã hội siêu thông minh luôn diễn ra trong khuôn khổ của hệ thống thể chế đi kèm, vừa có tính dẫn dắt, vừa có tính kiểm soát và vừa có tính kiến tạo. Thể chế trong trường hợp này biểu hiện ra chính là chủ trương, đường lối, chính sách, cơ chế, văn bản quy phạm pháp luật,... của quốc gia, chính quyền địa phương cũng cần được quan tâm xây dựng, thậm chí vượt trước tồn tại xã hội nếu có điều kiện. Trong đó, cần chú ý:

- Xây dựng sandbox dẫn dắt, dung dưỡng và thúc đẩy quá trình chuyển đổi số và hình thành xã hội số cũng như khắc phục khuyết tật của quá trình này ở Việt Nam, trong đó, chú ý các sandbox về dữ liệu (chính sách dữ liệu, luật về dữ liệu lớn), sandbox về AI (sản xuất, vận hành và vấn đề đạo đức AI,...), sandbox về bảo mật và an toàn người dùng trong không gian số, nhất là trong lĩnh vực nhạy cảm tài chính - ngân hàng, tư pháp, bảo hiểm, y tế,...

- Xây dựng sandbox nhằm bảo đảm tham gia của các chủ thể nhà nước, phi nhà nước trong quá

trình quản lý số, vận hành chính phủ số, chính quyền số đúng với bản chất và nguyên tắc vận hành của mô hình quản lý phát triển xã hội và xã hội số, nhất là khi yêu cầu xây dựng kho dữ liệu mở, thực hiện quyền tiếp cận thông tin và thực thi công vụ có thể triển khai trong không gian thực - số.

- Xây dựng sandbox về mô hình tổng thể xây dựng xã hội số, xã hội siêu thông minh ở nước ta. Đây là nội dung chưa được đề cập rõ trong Chương trình chuyển đổi số quốc gia, ở trụ cột về “xã hội số” và cũng chưa được công bố trên bất kỳ công trình khoa học nào ở nước ta trong 5 năm trở lại đây.

Qua nghiên cứu công trình quốc tế và căn cứ thực tiễn Việt Nam, chúng tôi đề xuất mô hình tổng thể “*xã hội số ở Việt Nam tầm nhìn đến năm 2030*” để bổ khuyết vào trụ cột “xã hội số” trong Chương trình chuyển đổi số quốc gia vừa được ban hành, vấn đề còn lại là nghiên cứu, hoàn thiện và thể chế hoá.

Căn cứ và cách tiếp cận để đề xuất và xây dựng mô hình cho Việt Nam:

Một là, về mặt chính trị và pháp lý, chúng tôi căn cứ vào: (i) Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 và (ii) Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

Hai là, cách tiếp cận và khu biệt về phạm vi của “xã hội” trong “xã hội số” theo quan điểm của các nhà nghiên cứu về xã hội. Thuật ngữ “xã hội” có nhiều cách tiếp cận với các bình diện rộng, trung và hẹp khác nhau. Tuy nhiên, trong bài viết này và để phục vụ phác thảo mô hình tổng thể “xã hội số” của Việt Nam, chúng tôi tiếp cận thuật ngữ “xã hội” ở nghĩa rộng và khái quát nhất, là toàn bộ lĩnh vực, hoạt động trong đời sống xã hội, cụ thể nhất là lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá và xã hội. Như vậy, mô hình tổng thể “xã hội số” Việt Nam sẽ được tiếp cận với với các trụ cột tổng thể như trên, gồm

“kinh tế số”, “chính trị số”, “văn hoá số” và “xã hội số”.

Ba là, căn cứ vào mô hình nền tảng thế giới đã và đang thực hiện, đặc biệt là mô hình “Xã hội

số ở châu Á” với 3 trụ cột được giới thiệu chi tiết trong Báo cáo đặc biệt của GSMA công bố vào các năm 2016 và 2020 (Bảng 2).

Bảng 2. Mô hình tổng thể xã hội số một số nước khu vực châu Á - Thái Bình Dương

Trụ cột 1: “Công dân số” (Digital Citizenship)	Trụ cột 2: “Lối sống số” (Digital Lifestyle)	Trụ cột 3: “Thương mại số” (Digital Commerce)
<ul style="list-style-type: none"> - Tương tác giữa chính phủ, người dân, doanh nghiệp qua dịch vụ công được thực hiện qua kênh kỹ thuật số. - Mở rộng dịch vụ trực tuyến và giao dịch điện tử (<i>vi điện tử, đóng thuế, bầu cử online, ký hợp đồng trực tuyến, kiểm soát thông tin cá nhân, an ninh, tư vấn y khoa trực tuyến, ...</i>) 	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng thiết bị thông minh truy cập thông tin liên quan, làm việc, vui chơi, học tập, tiêu dùng,... - Truyền thông xã hội hướng đến trải nghiệm thuận tiện hơn (<i>VR - trải nghiệm thực tế ảo, âm nhạc trực tuyến, ...</i>). 	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn giản hoá hoạt động thương mại bằng cách mở rộng khả năng tiếp cận thị trường. - Thay thế tiền mặt vật chất (<i>thanh toán qua vi điện tử, smart-banking, QR-Code, ...</i>) - Xử lý và phân phối đơn đặt hàng qua các kênh kỹ thuật số (<i>sàn thương mại điện tử, ...</i>)
<p>NỀN TẢNG VÀ ĐIỀU KIỆN VẬN HÀNH 03 TRỤ CỘT NÀY: “Sự kết nối (siêu kết nối IoT): Truy cập cá nhân nhanh chóng, đáng tin cậy và liên tục vào Internet”</p>		

Nguồn: [27, 28]

Từ các căn cứ trên, mô hình tổng thể về “xã hội số” của Việt Nam trong giai đoạn tới có thể được phác thảo gồm các trụ cột và đặc trưng sau:

Bảng 3. Mô hình tổng thể “xã hội số ở Việt Nam” tầm nhìn đến năm 2030

Trụ cột 1: “Kinh tế số” (Digital Economy)	Trụ cột 2: “Chính trị số” (Digital Politics)	Trụ cột 3: “Văn hoá số” (Digital Culture)	Trụ cột 4: “Xã hội số” (Digital Society)
Tầng 1: Nội dung trọng tâm của mỗi trụ cột “xã hội số” ở Việt Nam			
“Thương mại số”	“Chuyển đổi số trong thực thi công vụ của hệ thống chính trị” và “xây dựng Chính phủ số”	“Lối sống số”	“Xây dựng hệ thống an sinh và phúc lợi số, hiện đại, bao phủ và đa tầng”
Tầng 2: Nội dung cụ thể của mỗi trụ cột “xã hội số” ở Việt Nam			
<ul style="list-style-type: none"> - Doanh nghiệp công nghệ số. - Sản phẩm sáng tạo “Made in Viet Nam”. - Phát triển sản phẩm với nội dung số, truyền thông số, quảng cáo số. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tương tác giữa chính phủ, người dân, doanh nghiệp qua dịch vụ công được thực hiện qua kênh kỹ thuật số. - Công dữ liệu quốc gia (<i>data.gov.vn</i>) - Công dịch vụ công quốc gia (<i>dichvucong.gov.vn</i>) - Hệ thống thông tin, báo cáo số. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng thiết bị thông minh truy cập thông tin liên quan, làm việc, vui chơi, học tập, tiêu dùng,... - Quy tắc ứng xử trên môi trường số (mạng xã hội) 	<ul style="list-style-type: none"> - Đào tạo nguồn nhân lực số. - Truyền thông về quá trình chuyển đổi số và công nghệ số. - Giáo dục theo mô hình số. - Nghiên cứu vấn đề xã hội từ số hoá (Trung tâm giải đáp thắc mắc

Trụ cột 1: “Kinh tế số” (Digital Economy)	Trụ cột 2: “Chính trị số” (Digital Politics)	Trụ cột 3: “Văn hoá số” (Digital Culture)	Trụ cột 4: “Xã hội số” (Digital Society)
Tầng 1: Nội dung trọng tâm của mỗi trụ cột “xã hội số” ở Việt Nam			
- Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ, vừa chuyển đổi số. - Thương mại điện tử.	- Triển khai công nghệ mới nhất về truyền thông xã hội, thông tin, dịch vụ hành chính công trên nền tảng thiết bị Mobile, Big Data Analytics, AI, VR/AR,... - Nhân sự hành chính công trong môi trường số, tư pháp công,...	- Truyền thông xã hội hướng đến trải nghiệm thuận tiện hơn (VR - trải nghiệm thực tế ảo, âm nhạc trực tuyến,...).	và hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng bởi quá trình chuyển đổi số. - Tích hợp hệ thống an sinh, phúc lợi xã hội trên nền tảng số (mã số an sinh, dữ liệu an sinh, số hoá thẻ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, sổ sức khoẻ điện tử, e-care, Telehealth,...)
<p style="text-align: center;">NỀN TẢNG VÀ ĐIỀU KIỆN VẬN HÀNH 04 TRỤ CỘT NÀY: “Sự kết nối (siêu kết nối IoT): Truy cập cá nhân nhanh chóng, đáng tin cậy và liên tục vào Internet” dựa trên: Dịch vụ 5G, Internet băng rộng cáp quang và An toàn, an ninh mạng (GCI).</p>			

Nguồn: Tác giả nghiên cứu, tổng hợp và đề xuất

Ba là, yêu cầu cần phải nghiên cứu, nhận diện sâu sắc về bản chất, những vấn đề cấp bách của xã hội số mang lại để có cái nhìn toàn diện và đưa ra chính sách ứng xử phù hợp. Cụ thể:

(i) “Xã hội số”, “xã hội siêu thông minh” mang đến cuộc sống tiện nghi, mới mẻ và hiện đại chưa từng có nhưng cũng đe dọa đến những quyền căn bản nhất và sự an toàn của chính bản thân con người trong thế giới thực và thế giới số

Xã hội số dựa trên nền tảng công nghệ số phát triển đã tạo ra nhiều mô hình kinh doanh, loại hình dịch vụ mới qua mạng được sự hỗ trợ của thanh toán điện tử; những phương thức giám sát tự động, thu thập thông tin được triển khai khắp nơi,... tất cả trở thành những đầu mối nhanh chóng đánh cắp thông tin cá nhân người dùng, thậm chí người dùng bị “theo dõi” trong thời gian thực, nhiễm virus máy tính, phần mềm gián điệp, lan truyền sản phẩm đồi trụy, bạo lực trên Internet hay dẫn đến các vụ lừa đảo, bắt cóc và tống tiền. Quyền riêng tư dễ bị xâm phạm hơn bao giờ hết khi chúng được chia sẻ công khai trên các trang mạng xã hội, phương tiện truyền thông có độ bảo mật kém. Thậm chí thông tin cá nhân còn trở thành món hàng bị đem ra trao đổi, mua bán tràn lan trên mạng.

Tại Việt Nam, việc rò rỉ dữ liệu, mua bán và khai thác dữ liệu cá nhân cũng diễn ra phổ biến, không hiếm các băng nhóm tội phạm đăng nhập vào website của các ngân hàng rồi thực hiện lệnh chuyển toàn bộ số tiền trong tài khoản nạn nhân, chiếm đoạt số tiền hàng trăm tỷ đồng. Nhiều đường dây lừa đảo qua mạng hay ý thức người dân chưa cao, dễ tin và dễ dàng chấp nhận việc chia sẻ thông tin cá nhân để được nhận quà tặng khuyến mãi,... Đặc biệt, không chỉ các cơ quan trong hệ thống chính trị bị tấn công bởi tin giả, thông tin “xấu, độc”, “xuyên tạc” mà mỗi người dân, cộng đồng đang hứng chịu.

(ii) “Xã hội số”, “xã hội siêu thông minh” tạo ra chuyển biến mới về chất, rất nhanh chóng, sâu sắc hệ giá trị xã hội, văn hoá và đạo đức xã hội, nhiều khuynh hướng mới, phương thức mới xuất hiện vừa có tính hỗn dung vừa có tính mâu thuẫn, thậm chí xung đột trong quan hệ xã hội ngày nay so với trước đây

Việt Nam là quốc gia có nền văn minh nông nghiệp lâu đời, “kinh qua bao kinh nghiệm của mấy ngàn xưa”, là nghề căn bản của cả nước “đĩ nông vi bản” [29, tr.100] đúc kết nên truyền thống, luân lí và nền văn hoá mang đậm bản sắc của nông dân - nông nghiệp - nông thôn. Hệ giá

trị xã hội Việt Nam trong quá trình biến đổi lần thứ 4 từ hệ giá trị văn hoá truyền thống với 6 đặc trưng cốt lõi như tính cộng đồng, làng xã; tính trọng âm, tính ưa hài hoà, tính chủ toàn hay tính linh hoạt,... đang trong quá trình xã hội chủ nghĩa hoá sang hệ giá trị trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế [30, tr.392-396].

“Xã hội số” được Đảng và Nhà nước ta chủ trương xây dựng, phát triển ngay trong quá trình biến đổi lần thứ 4 về văn hoá này cùng với quá trình phát triển của khoa học công nghệ và hội nhập, giao lưu, tiếp biến văn hoá khiến nhiều thói hư, tật xấu trong đời sống văn hoá Việt Nam, chẳng hạn: “bệnh triệt tiêu cá nhân”, “bệnh thụ động, bảo thủ, khép kín”, “bệnh lè mề, chậm chạp”, “bệnh tùy tiện, cẩu thả”, “bệnh thiếu ý thức pháp luật”, “bệnh thiếu tầm nhìn”, “bệnh hình thức”,... [30, tr.401] cũng từ đó mà nảy sinh. Xã hội số là sự chuyển biến toàn diện, thực chất trên các lĩnh vực của đời sống xã hội trong đó có lĩnh vực “văn hoá số”. Chính “văn hoá số” tạo điều kiện để chúng ta thụ hưởng giá trị văn hoá mới, tiên tiến, chưa từng có thông qua công nghệ hiện đại nhưng cũng từ đây, những lệch lạc về hệ giá trị xã hội, hệ giá trị chuẩn mực trong môi trường số, do công nghệ số với các thói hư, tật xấu, sự tha hoá đạo đức, lối sống của người dân, cán bộ lãnh đạo, quản lý; xuất hiện hiện tượng xã hội mới “dù ít vận động hơn nhưng con người ngày nay luôn có cảm giác bận bịu, thiếu thời gian,... lối sống đô thị khiến người ta luôn vội vã, ăn nhanh, uống nhanh, nói nhanh, đi nhanh, giao tiếp nhanh, cái gì cũng nhanh” [14, tr.252]... đã và đang trở thành rào cản lớn trong xây dựng thành công “xã hội số” với 4 trụ cột đã được phân tích ở trên.

(iii) “Xã hội số”, “xã hội siêu thông minh” làm thay đổi giao tiếp xã hội, tương tác xã hội và cả môi trường sống, môi trường xã hội theo lối tương tác giữa “ảo - thực”, “thực tế ảo”, “lai thực - số”

Trong xã hội số, giao tiếp xã hội nhanh chóng được mở rộng, đa dạng, không giới hạn, thậm chí không có biên giới về địa lí, không gian và thời gian như trước đan xen giữa thế giới thực và thế giới ảo với sự hỗ trợ của các thiết bị và

công nghệ hiện đại như Internet, Skype, Zalo, Messenger, Instagram, Viber, blog,... và điện thoại thông minh với tốc độ kết nối tăng dần từ 3G, 4G, 5G,...

Tuy vậy, chính không gian ảo, xã hội số đôi khi làm cho tương tác và đoàn kết xã hội của thành viên trong gia đình, hội nhóm, cộng đồng trở nên “lòng leo” hơn bao giờ hết, thậm chí có nguy cơ bị phá vỡ. Con người cảm thấy “cô đơn” nhiều hơn, bế tắc, mệt mỏi và căng thẳng nhiều hơn dù không gian sống số và giao lưu, kết nối thuận tiện, rộng mở hơn bao giờ hết. Mặt khác, chính sự tiện nghi và dễ dàng trong thiết lập và tương tác xã hội qua không gian mạng và trong thế giới ảo khiến một bộ phận người dân, nhất là nhóm trẻ có xu hướng “ảo tưởng” về nhiều điều xảy ra trong không gian ảo; có xu hướng xa rời, lãng quên hoặc “tâm thường hoá” các giá trị cao quý của truyền thống, luân lí trong tình thân, đời sống thực gia đình, cha mẹ, con cái, vợ chồng, bạn bè, Tổ quốc,...

(iv) “Xã hội số”, “xã hội siêu thông minh” khiến chúng ta phải xác định, thậm chí nhận thức lại các yếu tố trung tâm cấu thành nội hàm khái niệm “quản lý phát triển xã hội” trong viễn cảnh mới, đó là:

- *Không gian quản lý* phát triển không còn hạn hẹp là xã hội thực, thế giới vật lí hiện hữu mà là không gian số hoá, xã hội số được kết nối vạn vật bởi IoT vượt qua lần ranh biên giới theo cách hiệu truyền thống để nhanh chóng mở ra không gian rộng lớn khu vực, châu lục, toàn cầu, siêu kết nối.

- *Công cụ, phương thức quản lý phát triển xã hội* cần phải tính đến sự tham gia của các công nghệ và kĩ thuật số hiện đại, của truyền thông xã hội và mạng xã hội, của hình thức không đối mặt (ẩn danh), trực tuyến (livestream),....

- *Khách thể quản lý - người - máy* tham gia vào quản lý phát triển xã hội và sự thay đổi về chất mối quan hệ công vụ lâu nay. Sự phát triển của “xã hội số”, “xã hội siêu thông minh” ngày nay với nhiều trường hợp xuất hiện lực lượng lao động AI, nguồn nhân lực robot, học máy, nhiều trí tuệ nhân tạo ở các quốc gia được cấp quốc tịch, tham gia chính trường, tranh cử các chức vụ

trong bộ máy công quyền, tham gia và đóng góp trong nhiều lĩnh vực nghề nghiệp như y, truyền thông - truyền hình, giao thông,... thì khái niệm (khoa học có tính kinh điển) trong Xã hội học (nói riêng) - khái niệm “xã hội” *tập hợp các cá thể người*, hay xã hội là *xã hội của con người*, nhóm người “bằng xương bằng thịt” [31] như lâu nay giới nghiên cứu và trong các tài liệu, công trình, từ điển khoa học chuyên ngành về xã hội ghi nhận liệu còn phù hợp, có nguy cơ “đổ vỡ”? Liệu rằng, tương lai có một “xã hội AI”, “xã hội người máy”,... bên cạnh “xã hội người” trong xã hội số và kỷ nguyên số hoá hay không cũng là vấn đề rất cần được suy nghĩ? Từ đây, đặt ra vấn đề lớn về sự tư duy lại “khách thể quản lý” trong quản lý phát triển xã hội ngày nay.

4. Kết luận

Bài viết đã tập trung phân tích, bàn luận về các chiều cạnh xã hội mà ở đó, xã hội số và xã hội siêu thông minh như là tác nhân chính dẫn đến các vấn đề xã hội cấp bách, thách thức các nhà quản lý, quản lý phát triển xã hội lưu tâm, phải giải quyết. Bản chất căn cốt nhất “xã hội số”, “xã hội siêu thông minh” không tư duy và hệ thống hoá một cách rời rạc, siêu hình mà biện chứng với “quản lý phát triển xã hội”. Ngoài ra, bài viết trên cơ sở làm rõ một cách khái quát nhất các nhóm vấn đề cấp bách, thách thức trong bối cảnh xã hội mới đã đưa ra những bàn luận và hàm ý gợi mở đề xuất, sáng kiến, giải pháp để hoá giải từng nhóm vấn đề một, đặc biệt là đề xuất mô hình tổng thể “xã hội số ở Việt Nam tầm nhìn 2030” dường như chưa được nghiên cứu và đề cập trong các nghiên cứu ở Việt Nam gần đây; hay tư duy lại, cập nhật và bổ sung các vấn đề trung tâm như khái niệm “xã hội” trong khoa học xã hội, về nội hàm khái niệm “quản lý phát triển xã hội”.

Tài liệu tham khảo

- [1] Communist Party of Vietnam, Document Submitted to the XIII National Party Congress, Volume 1, The Truth National Political Publishing House, Hanoi, 2021 (In Vietnamese).
- [2] D. Lupton, Digital Sociology, Routledge London and New York, 2005.
- [3] F. Webster, Theories of the Information Society, London: Routledge, 2002.
- [4] S. Watling & J. Rogers, Social Work in a Digital Society, Learning Matters, 2012, pp.9-10.
- [5] Regarding Fujitsu, About Fujitsu in Vietnam: <https://www.fujitsu.com/vn/en/about/corporate/info/index.html>, 2021 (accessed on: January 17th, 2021).
- [6] Nassehi, Speech of a Series of Topics: “Digital society”, sub-topic: “Digitalization solves what problems” (translation), Goethe Institut, Hanoi, 2021.
- [7] T. Hoa, Sandbox - Testing Mechanism Applied in Limited Scope - International Experience and Some Suggestions for Vietnam, link: <http://lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=210382>, 2020 (accessed on: July 20th, 2021) (In Vietnamese)
- [8] The Communist Party of Vietnam, Politburo's Resolution No. 23-NQ / TW dated March 22, 2018 on the Orientation to Formulate a National Industrial Development Policy to 2030, with a Vision to 2045, Hanoi, 2018 (In Vietnamese).
- [9] Prime Minister, Decision No. 749 /QĐ-TTg dated June 3, 2020 of the Prime Minister approving the National Digital Transformation Program to 2025, with a Vision to 2030, Hanoi, 2020 (In Vietnamese).
- [10] F. J. García-Peñalvo, The WYRED Project: A Technological Platform for a Generative Research and Dialogue about Youth Perspectives and Interests in Digital Society. Journal of Information Technology Research, 9 (4), vi-x, 2016.
- [11] Simon Lindgren, Digital Media & Society, SAGE, USA, Indian, Singapore, 2017.
- [12] What is the Department of Computerization and Digital Transformation in the Society?, Vietnamnet Newspaper, <https://vietnamnet.vn/vn/cong-nghe/chuyen-doi-so-trong-xa-hoi-la-gi-681839.html>, 2019 (accessed on: January 17th, 2021) (In Vietnamese).
- [13] H. T. Bao, N. H. Dung, N. N. Quang, Questions and Answers on Digital Transformation, Information and Communication Publishing House, Hanoi, 2020.
- [14] Think Tank Vinasa, Vietnam in Digital Transformation, World Publishing House, Hanoi, 2019 (In Vietnamese).

- [15] W. L. Bennett, *Changing Citizenship in the Digital Age*. Civic Life Online: Learning How Digital Media Can Engage Youth. Edited by W. Lance Bennett. The John D. and Catherine T. MacArthur Foundation Series on Digital Media and Learning. Cambridge, MA: The MIT Press, 2008, pp. 1-24. doi: 10.1162 / dmal.9780262524827.001, 2008.
- [16] Mansell, R., *Constructing the Knowledge Base for Knowledge-Driven Development*, *Journal of Knowledge Management*. 6 (4), 2002, p. 323.
- [17] Neil Selwyn, *What is Digital Sociology?*, Politics Press, UK & USA, 2019.
- [18] Hitachi-Utokyo Laboratory, *Society 5.0: A People-centric Super-smart Society*, Springer Open Press, Singapore, 2018.
- [19] Japanese Cabinet Office, *The 5th Basic Plan of Science and Technology, 2016-2021*, Japan, 2016, pp. 21.
- [20] L. T. T. Trang, *Experience in Building Digital Society*, AITA Page, link: <https://aita.gov.vn/kinh-nghiem-xay-dung-xa-hoi-so>, 2020 (accessed on: January 17th, 2021) (In Vietnamese).
- [21] P. H. Phu, N. V. Dang, and N. V. Thong, *Learn Some Terms in the Document of the XII National Congress of the Party*, National Political Publishing House, Hanoi, 2016 (In Vietnamese).
- [22] World Bank Group, *World Development Report 2016: Digital Dividends*, Vol. 7, Washington D.C, 2016.
- [23] ILO, *Asean in Transformation: How Technology is Changing Jobs and Enterprise*, Vol. 3, General: ILO, 2016.
- [24] Keidanren, *Toward Realization of the New Economy and Society - Reform of the Economy and Society by the Deepening of "Society 5.0*, (outline), Keidanren Policy and Action, Japan, 2016.
- [25] N. Quynh, *Only 50% of Vietnamese Enterprises Are Aware of the Impact of Industry 4.0*, VOV online newspaper, <https://vov.vn/kinh-te/moi-chi-50-doanh-nghiep-viet-awak-up-to-the-field-of-cmcn-40-896800.vov>, 2019 (accessed on: January 17th, 2021) (In Vietnamese).
- [26] The Communist Party of Vietnam, *Resolution 52-NQ/TW in 2019 on Guidelines and Policies to Actively Participate in the Fourth Industrial Revolution*, issued by the Politburo on February 27, 2019, Hanoi, 2019 (In Vietnamese).
- [27] K. Okeleke, H. James & Y. Jeong, *Advancing Digital Societies in Asia*, GSMA Head Office, United Kingdom, 2016.
- [28] K. Okeleke, *Advancing Digital Societies in Asia Pacific: A Whole-of-Government Approach*, GSMA Head Office, United Kingdom, 2020.
- [29] L. D. Thiep, *Historical and Social Thesis of Vietnam from Prehistoric to Modern*, Knowledge Publishing House, Hanoi, 2017 (In Vietnamese).
- [30] P. H. Phu et al., *Some Theoretical and Practical Issues about Socialism and the Path to Socialism in Vietnam over the Past 30 Years of Doi Moi*, Truth National Political Publishing House, Hanoi, 2016, (In Vietnamese).
- [31] Hanoi National University, *Oxford Sociology Dictionary*, National University Publishing House, Hanoi, 2012.